

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CỦA HIỆN TƯỢNG NAO PHÁ THAI Ở TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

XUÂN SƠN*

Không riêng ở nước ta mà ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, những vấn đề liên quan đến sức khoẻ sinh sản của vị thành niên (VTN) đang nổi lên như những quan tâm lớn của cộng đồng. Ở Hà Lan, theo thống kê gần đây nhất, mỗi năm có khoảng 7.000 ca nạo phá thai ở độ tuổi VTN. Ở Anh, số lượng các "bà mẹ nhí" mang thai ngoài ý muốn gấp hơn 12 lần ở Hà Lan (89.000 ca mỗi năm). Theo số liệu của Bộ Y tế nước ta, số ca nạo phá thai hàng năm ở tuổi VTN là khoảng 120.000 lượt/năm, chiếm 12% số người phá thai ở mọi lứa tuổi. Trên thực tế, tính bình quân phụ nữ ở tuổi sinh đẻ nạo phá thai 1,34 lần. Nhưng gần đây, bình quân trẻ VTN nạo hút thai 1,5 lần (cao hơn mọi lứa tuổi khác). Điều đáng quan tâm là có đến 80% VTN có thai mà không biết hoặc không hiểu mình có thai. Qua điều tra, khảo sát ở nước ta trong những năm gần đây về hành vi tình dục VTN đã cung cấp những thông tin đáng lo ngại: quan hệ tình dục sớm dẫn đến hậu quả là gia tăng tỷ lệ nạo phá thai, mang thai, sinh đẻ và những biến chứng tức thì và lâu dài của những động thái này (nhiễm khuẩn, chảy máu, tổn thương cơ quan sinh sản... có thể dẫn đến tử vong hoặc để lại hậu quả lâu dài như vô sinh, trầm cảm, suy giảm lòng tin, ảnh hưởng đến

tương lai hạnh phúc về sau...) làm xuất hiện nguy cơ lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS. Vậy những nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng trên?

1. Tuổi VTN với những biến đổi dữ dội về tâm lý và thể chất đến mức nhiều người xem đó như một "giai đoạn khủng hoảng" đầu đời, là giai đoạn đặc trưng với các dấu hiệu của tuổi dậy thì ở cả nam và nữ. Đây là giai đoạn phát triển đặc biệt của cuộc đời con người, là độ tuổi chịu ảnh hưởng mạnh của các điều kiện văn hoá, giáo dục của gia đình và xã hội, đồng thời cũng là lứa tuổi gây nhiều lo ngại cho các bậc cha mẹ và cho cộng đồng. Thời kỳ dậy thì kéo dài khoảng 3 - 5 năm, có thể chia thành hai giai đoạn nhỏ: Giai đoạn tiền dậy thì: từ 11 đến 13 tuổi (ở nữ); từ 13 - 15 tuổi (ở nam). Giai đoạn dậy thì chính thức là giai đoạn tiếp theo, với sự biến đổi cơ thể (hệ cơ, xương, cơ quan sinh dục và các đặc tính sinh dục phụ...) được đánh dấu bằng kỳ kinh đầu tiên ở các em gái và lần xuất tinh đầu tiên ở các em trai, báo hiệu sự trưởng thành về mặt thể chất, sự chín muồi của quá trình phát dục nghĩa là đã có khả năng sinh sản.

*Cán bộ, Viện Tâm lý học.

Những biến đổi thể chất đi kèm với những biến đổi về tâm lý. Theo các nhà sinh lý học hiện đại, dậy thì là thời kỳ trung gian giữa trẻ em và người lớn, đó là giai đoạn biệt hoá giới tính lớn nhất, thay đổi cơ quan sinh dục, phát triển đặc tính cơ quan sinh dục phụ, thay đổi kích thước, hình thái cơ thể. Sự bài tiết hoóc - môn ở giai đoạn này làm phát triển cơ chế tính dục, những xôn xang ban đầu ở các em gái, sự cương cứng, thủ dâm ở các em trai, những xung năng làm cho nam nữ biểu lộ bản năng tính dục. Sự dậy thì đã kích thích ở VTN mỗi quan tâm đến người khác giới, làm nảy sinh những rung cảm, xúc cảm giới tính mới lạ. Quan hệ với bạn khác giới ở tuổi thiếu niên không "hồn nhiên", "vô tư" như các học sinh nhỏ. Ta dễ quan sát thấy hiện tượng những em trai, em gái 13 - 15 tuổi xử sự một cách thận trọng, kín đáo, tế nhị với nhau. Ở các em xuất hiện những tình cảm đặc biệt tập trung nhiều vào bạn khác giới mà đôi khi người ta có thể gọi đó là "mối tình đầu". Nhìn chung, những rung cảm giới tính ban đầu ở tuổi thiếu niên là nhẹ nhàng, hồn nhiên. Tâm trạng này sẽ qua đi nhanh chóng nếu thiếu niên được sống trong một môi trường lành mạnh, người lớn biết hướng sự chú ý của các em vào hoạt động học tập, lao động có ích, vào những mối quan hệ bạn bè vô tư, trong sáng. Thực tế, có nhiều nam nữ tuổi vị thành niên từ những xúc cảm giới tính mới lạ buổi ban đầu đã vội cho đó là tình yêu (trong thực tế chưa phải là như vậy), cùng với sự thiếu quan tâm, định hướng đúng đắn của người lớn nên nhiều em đã yêu đương quá sớm và trong một hoàn cảnh cụ thể các em đã không làm chủ được

bản thân, bị lôi kéo, bị kích thích dẫn đến những ham muốn về quan hệ tình dục, để lại hậu quả khó lường cho cả hai, đặc biệt là với bạn gái.

2. Lứa tuổi vị thành niên, như các cụ xưa từng nói: "*Có lớn mà chưa có khôn*". Có "lớn" vì về mặt cơ thể trẻ lớn nhanh chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng chưa có "khôn" vì vị thành niên chưa trưởng thành về tâm lý, xã hội, chưa có hiểu biết sâu sắc về các vấn đề liên quan đến gia đình, xã hội, nghề nghiệp... Khi gặp phải những hoàn cảnh hoặc sự cố không thuận lợi trong cuộc sống hàng ngày, VTN dễ bị khủng hoảng tâm lý, mất cân bằng... Trong những hoàn cảnh khó khăn như thế, không ít em đã tìm đến những giải pháp tiêu cực như: sa đà nghiện ngập, quan hệ tình dục buông thả... Cùng với việc họ chưa thực sự có ý thức, trách nhiệm làm cha, làm mẹ, làm chồng, làm vợ nên các bạn trẻ mới lớn rất dễ phải "trả giá" cho những hành vi thiếu chín chắn của mình trong quan hệ nam - nữ và hậu quả của những hành vi sai lầm đó đã ảnh hưởng xấu đến sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của họ.

Những nguyên nhân nêu trên cùng với việc cha mẹ và nhà trường đều ngần ngại cung cấp những kiến thức về sinh lý, về hoạt động tình dục, tránh thai, sợ sẽ "*vẽ đường cho hươu chạy*" hoặc chỉ bảo không đến nơi đến chốn, dẫn đến các em thiếu hiểu biết về giới tính, sinh lý sinh sản, kỹ năng sống. Các em không biết rằng những nguy cơ của hành vi tình dục có thể xảy ra với chính mình (có thai, lây nhiễm bệnh...), các em không chủ động chuẩn bị các biện pháp tránh thai và có tâm lý lo lắng bố

me, bạn bè biết mình đang sử dụng các biện pháp này. Do đó, đã dẫn đến hậu quả không mong muốn gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý và sức khỏe của các em.

3. Môi trường sống có những ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, hành vi của VTN.

Một số VTN bị ảnh hưởng bởi những tấm gương xấu trong gia đình (GD) và chúng học từ chính GD mình những hành vi, chuẩn mực đạo đức lệch lạc và dễ dàng đồng nhất với những tấm gương xấu đó: Cha mẹ cặp bồ, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau; người lớn có những hành vi, cử chỉ không đứng đắn với người khác giới... Hoặc GD buông lỏng quản lý, giáo dục nên trẻ đã dễ dàng tiếp nhận những thói hư, tật xấu của bạn bè, của người lớn trong xã hội dẫn đến những nhận thức lệch lạc hoặc lối sống tự do, bừa bãi, có những việc làm không hợp lý, ngoài sự mong đợi của GD và xã hội mà hành vi tình dục là một trong những việc làm đó.

Có những trường hợp, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, các em phải lên thành phố để lao động kiếm tiền (theo các số liệu của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội thì số lượng trẻ em lang thang trong toàn quốc đã tăng từ gần 15 nghìn em năm 1996 lên tới 23 nghìn em năm 2.000), các em phải ở trong nhà trọ rẻ tiền hoặc ngủ trên hè phố và nguy cơ bị lừa gạt, bị lạm dụng tình dục là rất cao.

Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, nhiều hoàn cảnh cám dỗ và tiêu cực có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của VTN (phim ảnh, sách báo đồi trụy, lối sống hưởng thụ, xa rời truyền thống văn hoá dân tộc...) dẫn đến nhận

thức lệch lạc và thái quá của VTN. Quan niệm của VTN ngày nay đối với vấn đề tình dục và tình dục trước hôn nhân không còn nghiêm túc như các thế hệ trước, những giá trị và chuẩn mực đạo đức không còn được coi trọng. Nhiều nam nữ VTN chấp nhận quan hệ tình dục khi có tình cảm với nhau (chưa hẳn đã là tình yêu đích thực và có suy nghĩ chín chắn). Họ cho rằng yêu là dâng hiến, là cho nhau tất cả, thiên về xúc cảm bản năng, thiếu suy xét lý trí. Số người hành động theo kiểu này tuy không nhiều nhưng cũng đã góp phần làm cho tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn gia tăng.

Sức khoẻ sinh sản của vị thành niên đã trở thành một vấn đề cần được ưu tiên và cần tiếp tục duy trì sự quan tâm của gia đình, nhà trường và xã hội bằng cách:

Đối với GD: Xây dựng một GD văn hoá, trong GD mọi người sống hoà thuận, yêu thương nhau, người lớn là những tấm gương đẹp cho trẻ noi theo. Giáo dục con nếp sống có văn hoá, có trách nhiệm, biết tự trọng và tôn trọng người khác. Cha mẹ là những người đầu tiên cung cấp những hiểu biết về cơ thể để dẫn dắt trẻ đến với những vấn đề về giới tính, luôn quan tâm, tạo điều kiện cho VTN bày tỏ những vấn đề của mình, thông cảm, gần gũi, giúp đỡ các em vượt qua những khó khăn của lứa tuổi này để bước sang một giai đoạn phát triển mới. Kiểm tra, ngăn chặn con tiếp xúc với các băng video, sách truyện kích dâm gợi dục, truyền bá theo đường in lậu, chiếu lậu.

Đối với nhà trường: Đưa chương trình giáo dục giới tính vào giảng dạy

chính thức trong nhà trường, cùng với gia đình, xã hội cung cấp những kiến thức về giới tính, cơ chế thụ thai, tình dục an toàn, giáo dục các em biết kiểm chế trong quan hệ tình dục để các em biết tự bảo vệ mình. Khi đã hiểu rõ về tình dục học và những hậu quả có thể xảy ra sau các hoạt động tình dục, các em sẽ không còn tò mò hoặc bị kích động bởi những văn hóa phẩm thiếu lành mạnh mà vẫn giữ được mình khỏi có những hoạt động tình dục quá sớm khi bộ máy sinh sản chưa thật trưởng thành. việc học hành còn dang dở.

Đối với trẻ VTN: Cần xây dựng một tình yêu lành mạnh, trong sáng, biết tôn trọng mình và tôn trọng người mình yêu, hành động có trách nhiệm với người mình yêu, tránh những hành vi lạm dụng tình dục. Tôn trọng nhau là trách nhiệm của cả nam và nữ. Các bạn trẻ cần nhớ rằng, chỉ trong khuôn khổ hôn nhân, quan hệ tình dục mới đem lại an toàn và hạnh phúc lâu bền. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Xuân Dũng. *Giáo dục giới tính vì sự phát triển của vị thành niên*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bích Thủy. *Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên - trách nhiệm của mọi người*. Báo Thanh niên, số 136 (2023).
3. Báo Gia đình và trẻ em, kỳ II, tháng 3/2004.

TÂM LÝ HỌC Ở PHILIPPINES

(Tiếp theo trang 37)

được có thể được thực hiện bởi các nhà đo nghiệm tinh thần.

Nhìn chung, tâm lý học ở Philippines tương đối phát triển so với tâm lý

phát triển tâm lý học ở Philippines một mặt nhờ lực lượng nghiên cứu có trình độ cao và thông thạo tiếng Anh, mặt khác, có sự tác động khá lớn từ phía Mỹ. Tâm lý học ở đất nước này có sự phân hoá theo hai khuynh hướng rõ nét: một khuynh hướng nghiêng theo quan điểm của tâm lý học Anh - Mỹ và khuynh hướng kia lại cố gắng phát triển tính bản địa trong tâm lý học. Ở Philippines, những nghiên cứu về văn hoá còn rất hạn chế. ♣

Chú thích

1. Alan E. Kazdin. *Encyclopedia of Psychology*. Volum 7. Oxford University Press, 2000.

CỬ CHỈ TRONG...

(Tiếp theo trang 48)

Song, để thành công hơn trong giao tiếp, việc tìm hiểu ý nghĩa của cử chỉ cơ thể, cũng như rèn luyện những cử chỉ thân thiện, cởi mở, hạn chế những cử chỉ tiêu cực của bản thân là cần thiết. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan Pease. *Ngôn ngữ của cử chỉ*. Người dịch: Nguyễn Hữu Thành, NXB Văn Nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2001.
2. Thương Mưu Tứ. *Biết người - Dùng người - Quán người*. Biên dịch: Tạ Ngọc Ái, Nguyễn Viết Chi, Đặng Hưng Kỳ, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2003.
3. Forwar. *Khi đàn ông nói dối*. Dịch: Hà Sơn, Thanh Anh, NXB Hải Phòng, 2003.
4. *Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao? Tâm lý học - Sinh lý học*. Biên dịch: Nguyễn Văn Thi, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Trần Anh Thu. *Bài giảng về giao tiếp*.